

Số: 114/2024/QĐST-HNGĐ

Gia Lâm, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Quốc T**, sinh năm 1982.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Vân T1**, sinh năm 1986

Cùng nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Đỗ Quốc T** và chị **Nguyễn Thị Vân T1**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh **Đỗ Quốc T** và chị **Nguyễn Thị Vân T1**, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh T và chị T1 thống nhất xác định có 02 con chung là cháu Đỗ Khánh T2, sinh ngày 07/7/2011 và cháu Đỗ Anh K, sinh ngày 13/9/2014. Khi ly hôn anh T và chị T1 thống nhất thỏa thuận:

+ Anh T là bố được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đỗ Khánh T2 và cháu Đỗ Anh K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị T1 thống nhất tự thỏa thuận giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Vân T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh T và chị T1 không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Quốc T chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004024 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Hoàn trả anh T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội (theo GCNKH số 95; Quyền số 2010 ngày 23/9/2010);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng